

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 352/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 16/11/2023

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hạnh.

Ông Hoàng Sĩ Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 431/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023, về việc “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 398/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh ngày 10/12/1997.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.

Người được chị T ủy quyền về việc giao, nhận văn bản: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1975. Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Đặng Văn T1, sinh ngày 04/3/1995.

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

(Các đương sự vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị **Nguyễn Thị T** trình bày: Chị và anh **Đặng Văn T1** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương ngày 11/3/2016. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống bất đồng, hơn nữa vợ chồng kết hôn đã lâu mà không có con chung nên không có sự gắn bó và hay xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng nên tháng 7/2020 chị chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở. Tháng 10/2020, chị xuất cảnh lao động tại Đài Loan, từ khi đi cho đến nay anh chị không liên lạc và không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh **Đặng Văn T1**.

Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung cũng như không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện chị **T** đang lao động tại Đài Loan nên chị ủy quyền cho ông **Nguyễn Văn Đ** là bố đẻ chị thay chị giao, nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại các bản khai, anh **Đặng Văn T1** trình bày: Anh kết hôn với chị **Nguyễn Thị T** trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương ngày 11/3/2016. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng kết hôn đã lâu mà không có con chung nên hay xảy ra cãi vã, bất hòa. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng nên tháng 7/2020 chị **T** chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở. Tháng 10/2020, chị **T** xuất cảnh lao động tại Đài Loan nhưng không nói cho anh biết, từ khi đi cho đến nay anh chị không liên lạc và không quan tâm đến nhau. Nay chị **T** có đơn xin ly hôn, anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn.

Người được chị **T** ủy quyền về việc giao, nhận văn bản tố tụng tại Tòa án - ông **Nguyễn Văn Đ** trình bày: Ông nhất trí nhận ủy quyền của chị **T**, sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, ông đã thông báo cho chị **T** biết, chị **T** vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và đề nghị được giải quyết vắng mặt. Ngoài ra, ông **Đ** còn trình bày do vợ chồng tìm hiểu nhau không kỹ, nên khi về chung sống cùng nhà nảy sinh nhiều mâu thuẫn bất đồng, vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, xích mích, cãi chửi nhau, mâu thuẫn về kinh tế, không thống nhất được. Chị **T** chuyển về nhà ông sinh sống từ tháng 7/2020 và đã đi lao động tại Đài Loan, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không liên lạc và không quan tâm

đến nhau. Thời gian về nghỉ phép chị **T** cũng không về nhà chồng, vợ chồng không gặp nhau mà chỉ liên lạc thông nhất đề nghị ly hôn. Nay chị **T** có đơn xin ly hôn quan điểm của ông đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Nguyễn Thị T** ly hôn anh **Đặng Văn T1**. Chị **T** phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị **Nguyễn Thị T** có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại **thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương**, hiện chị đang làm ăn, sinh sống tại Đài Loan. Bị đơn anh **Đặng Văn T1** hiện đang sinh sống tại Việt Nam. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Mặc dù chị **T** không có mặt ở Việt Nam nhưng thời gian về nghỉ phép chị đã làm đơn xin ly hôn, bản tự khai, đơn xin giải quyết vắng mặt và ủy quyền cho ông **Nguyễn Văn Đ** thay chị giao nhận tài liệu tại Tòa án. Đơn xin ly hôn và các tài liệu khác của chị đã được **Ủy ban nhân dân xã T, huyện B** xác nhận. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định quan điểm ly hôn của chị là hoàn toàn tự nguyện. Các đương sự đều có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị T** và anh **Đặng Văn T1** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương** ngày 11/3/2016 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng không có con chung nên không có sự gắn bó, ràng buộc và hay xảy ra cãi vã, bất hòa. Mâu

thuần vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên tháng 7/2020 chị **T** chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở. Tháng 10/2020 chị xuất cảnh lao động tại Đài Loan nhưng không nói cho anh **T1** biết. Vợ chồng sống xa cách từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị **T** xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị được ly hôn anh **T1**. Anh **T1** cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị **T** và anh **T1** đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị **T** được ly hôn anh **T1**.

[2.2] Về quan hệ con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị **T**, anh **T1** cùng xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị **Nguyễn Thị T** phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị T**.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Nguyễn Thị T** ly hôn anh **Đặng Văn T1**.

2. Về án phí: Chị **Nguyễn Thị T** phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được đối trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số AA/2023/0001173 ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do ông **Nguyễn Văn Đ** nộp thay). Chị **T** đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Chị **Nguyễn Thị T** được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh **Đặng Văn T1** được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Thái Hòa, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trường